

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 18 - 6 - 2021
V/v: Tr/chấp: “Quyền sử dụng đất
và tiền bồi thường”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 67/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh Kha, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 43, ấp Thị Hai, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Ngọc A, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp Nhơn Lộc 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955. Vắng mặt.

2. Ông Quách Văn L (Bảy Lùn), sinh năm 1950. Vắng mặt.

3. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1956. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị M, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hữu trình bày:

Sinh thời cha của ông Hữu là ông Nguyễn Văn Nhuận (mất năm 1998) và mẹ là bà Nguyễn Thị Thôi (mất năm 2000) có tạo dựng một khối tài sản là đất gồm 10 bờ cam. Cha ông Hữu có cho cháu ruột là Nguyễn Minh Khởi 07 bờ cam và 01 nền nhà thổ cư, còn lại 03 bờ ông Nhuận để giành dưỡng già, đến khi trăm tuổi ai phụng dưỡng thì người đó sẽ được hưởng phần đất này. Đến năm 1995, khi Nhà nước yêu cầu làm bằng khoán đất thì cháu ông là Nguyễn Minh Khởi đã đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ngoài phần đất mà ông Khởi được ông Nhuận cho thì ông Khởi đã làm trù lên luôn phần đất 03 bờ còn lại.

Đến năm 1997, ông Nhuận có gửi đơn khiếu nại ở xã Nhơn Ái về vấn đề này. Trong quá trình giải quyết ông Khởi cũng viết tờ cam kết sẽ trả lại 03 bờ cho cha ông, nhưng ông Khởi không thực hiện đúng lời hứa. Năm 1998, ông Nhuận mất, ông Hữu là người phụng dưỡng cha mẹ và thờ cúng tổ tiên nên ông Hữu yêu cầu được hưởng phần đất hương quả mà ông Khởi hứa trả lại cho Nhuận là 03 bờ, 01 cái thổ cư (300m²) và 01 cái nền bông (khu mộ), phần đất này có tổng diện tích 2.222m². Năm 2010, ông Hữu có yêu cầu ông Khởi thực hiện đúng lời hứa nhưng ông Khởi không đồng ý. Đến năm 2014, Nhà nước có quy hoạch đề bao chống lũ trung dụng một phần diện tích đất 835m² nằm trong phần đất tranh chấp, bồi thường số tiền là 331.308.843 đồng, diện tích đất còn lại là 1.386,7m².

Nay ông Hữu có các yêu cầu như sau:

1. Được nhận số tiền đền bù từ dự án đề bao chống lũ đi qua, diện tích bị thu hồi là 835m² với số tiền là 331.308.843 đồng.

2. Được hưởng 03 bờ cam mà ông Nhuận để lại sau khi Nhà nước thu hồi thì diện tích còn lại là 1.386,7m², thửa 1022 và 1033, tờ bản đồ số 04. Đất này hiện đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000064/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/12/1995 cho ông Nguyễn Minh Khởi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa bị đơn, ông Nguyễn Minh Khởi trình bày:

Ông Khởi không đồng ý với yêu cầu của ông Hữu. Vì đây là phần đất của ông, bà nội ông là ông Nguyễn Văn Nhuận (mất năm 1998) và bà Nguyễn Thị Thôi (mất năm 2000) cho ông. Khi Nhà nước yêu cầu kê khai để cấp bằng khoán đất thì ông bà nội ông đều biết và thống nhất để ông đứng tên và ông Khởi đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000064/QSDĐ, ngày 18/12/1995 với tổng diện tích là 6.457m² gồm thửa đất số 1033 có diện tích là 6.157m², tờ bản đồ số 04 (đất LNK) và thửa 1022 có diện tích 300 m² (đất T). Sinh thời, ông bà nội của ông Khởi đã chia phần cho các cô chú hết rồi, nhưng ông Hữu không gìn giữ. Cha của ông Khởi là ông Nguyễn Văn Tấn hy sinh nên ông Khởi và anh ruột là Nguyễn Minh Kha sống chung với ông bà nội từ nhỏ. Vào năm 1993, ông bà nội của ông Khởi có làm di chúc để lại đất cho ông Khởi và ông Kha (sau khi đã chia phần cho các cô chú). Do anh của ông đi học và làm ăn xa nên ông Kha đã nhường lại cho ông Khởi đứng tên toàn bộ phần đất này. Vào năm 1996, chú của ông Khởi là ông Nguyễn Văn Hữu từ xã Tân Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (cũ) về xin ông Nhuận và ông Khởi tạm trú. Thấy hoàn cảnh của ông Hữu quá khó khăn nên ông Khởi cũng đồng ý, sau đó ông Hữu chiếm dụng luôn phần đất mà ông Khởi đã được ông bà cho. Việc ông Hữu về nhà xin ở nhờ có ông Nguyễn Văn Dũng và bà Hồng là hàng xóm biết. Sau khi ông Nhuận, bà Thôi mất thì ông Hữu ở luôn trên đất này mặc dù ông Khởi có yêu cầu ông Hữu rời đi để trả lại đất cho ông nhưng ông Hữu không

đồng ý. Năm 2010, ông Hữu cất nhà trên phần đất này nên ông Khởi đã khởi kiện ra Tòa án và sau đó ông Hữu thương lượng với ông Khởi nên ông Khởi đã rút đơn khởi kiện.

Vào năm 1997, ông Hữu có yêu cầu ông Khởi ký vào tờ di chúc thì ông Khởi cũng ký đại vô. Ông Khởi cho rằng, biết tờ di chúc này không có giá trị pháp lý vì ông Hữu tự viết và ghi sai tên ông nội của ông nên ông mới ký.

Khi hòa giải tại xã Nhơn Ái năm 1997, ông Nhuận thống nhất là giao phần đất này lại cho ông Khởi đứng tên sử dụng không ai được bàn cãi nữa, còn ông Khởi hứa và cam kết với ông Nhuận để ông Nhuận hưởng hoa lợi từ 03 bờ cam cho đến khi 100 tuổi già, ông Khởi đã thực hiện đúng lời cam kết đó.

Ông Khởi không đồng ý tách phần đất này ra cho ông Hữu, ông Khởi cho rằng đây là đất của ông, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Đối với số tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi đất để làm đê bao chống lũ là đất của ông Khởi, ông đã nhận tiền bồi thường và sử dụng hết. Nên ông Hữu yêu cầu trả lại số tiền này ông Khởi cũng không đồng ý. Ông Khởi cho rằng ông chỉ nhận tiền bồi thường đất của ông còn tiền bồi thường các cây trồng trên đất do ông Hữu trồng ông Khởi không có nhận.

Trước đây ông Khởi có đồng ý chia cho ông Hữu 01 nền nhà mà ông Hữu đang ở nhưng bây giờ ông Khởi đã đổi ý kiến không đồng ý cho ông Hữu bất cứ phần đất nào và yêu cầu ông Hữu di dời nhà trả lại đất cho ông.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Kha trình bày: ông Kha và ông Khởi sống chung với ông bà nội từ lúc nhỏ. Ông bà nội của ông là ông Nguyễn Văn Nhuận (mất năm 1998) và bà Nguyễn Thị Thôi (mất 2000) có cho anh em của ông 01 phần đất sau khi đã chia phần cho các cô chú bác trong gia đình. Ông Kha đi học và làm xa nên đã nhường lại phần đất này cho ông Khởi và không tranh chấp gì. Còn ông Hữu là chú của ông đã được ông nội chia phần rồi nhưng không giữ gìn mà đã bán hết, thấy chú khổ quá, không có đất ở nên gia đình mới kêu chú về ở chung với ông bà nội và cho canh tác đất để hưởng hoa lợi sống chứ không phải cho đất. Đây là phần của em ông gìn giữ thì ông Hữu không được quyền tranh chấp.

Ông Nguyễn Văn Nhũ trình bày: Vào ngày 24/4/2020 ông có ký hợp đồng hứa bán đất với ông Nguyễn Minh Khởi phần diện tích đất khoảng 450m² tại thửa 1033 và 1022, tờ bản đồ số 04 (đất LNK và T), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Minh Khởi đứng tên. Ông Khởi đã nhận của ông Nhũ 400.000.000 đồng. Khi ông Nhũ liên hệ để làm thủ tục chuyển nhượng thì được thông báo phần đất này đang có tranh chấp. Ông yêu cầu ông Khởi thực hiện việc chuyển nhượng phần đất này ra cho ông. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nhũ và ông Khởi đã hủy hợp đồng hứa bán và ông Nhũ đã nhận lại tiền. Do không còn liên quan gì nữa nên ông Nhũ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà Lê Thị Tên, ông Nguyễn Minh Đầy, Nguyễn Minh Tiền, Nguyễn Minh Khải thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn Hữu.

Bà Phạm Thị Ngọc Ảnh thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Minh Khởi.

Tại phiên tòa ông Hữu vẫn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn ông Khởi vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm thì những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về thời hạn mở phiên tòa chưa đảm bảo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hữu khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Khởi trả lại quyền sử dụng đất diện tích là 1.386,7m² và được nhận số tiền bồi thường từ dự án đê bao chống lũ nằm trong phần đất ông yêu cầu. Phần đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Khởi, đất tại ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền bồi thường”. Quan hệ tranh chấp này được pháp luật Luật dân sự, Luật đất đai điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[3] *Về nội dung:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hữu yêu cầu ba bờ cam mà cha ông để lại làm phần đất hương hỏa sau khi Nhà nước thu hồi làm công trình đê bao chống lũ thì diện tích còn lại là 1.386,7m². Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000064/QSDĐ ngày 18/12/1995 cho ông Nguyễn Minh Khởi. Vì vậy ông Hữu yêu cầu ông Khởi phải làm thủ tục tách phần đất 1.386,7m² ra cho

ông đề ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được nhận số tiền đền bù từ dự án đền bao công lỗ là 331.308.843 đồng.

[4] Bị đơn, ông Nguyễn Minh Khởi cho rằng phần đất mà nguyên đơn yêu cầu ông trả lại có diện tích 1.386,7m² mà ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này là của ông bà nội ông cho ông và anh của ông là Nguyễn Minh Kha được ông bà nội cho nhưng không nhận và đã để lại cho ông.

[5] Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập thể hiện như sau: Về nguồn gốc đất tranh chấp cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là của ông Nguyễn Văn Nhuận và bà Nguyễn Thị Thôi (mất). Ngày 21/01/1995 ông Nguyễn Minh Khởi làm thủ tục xin đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 6.457m² thửa 1033 và 1022. Nguồn gốc đất ông Khởi đăng ký quyền sử dụng đất là do ông Nguyễn Văn Nhuận và bà Nguyễn Thị Thôi cho. Ngày 18/12/1995 ông Nguyễn Minh khởi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000064/QSDĐ thửa số 1033, diện tích 6.157m² và thửa số 1022, diện tích 300m² , tờ bản đồ số 4. Tờ di chúc ngày 16/03/1993 ông Nguyễn Văn Nhuận và bà Nguyễn Thị Thôi đã để lại thừa kế cho ông Nguyễn Minh Khởi và ông Nguyễn Minh Kha nhưng ông Kha đã để lại phần đất của ông cho ông Khởi kê khai và sử dụng, ông Kha không có ý kiến hay tranh chấp gì. Biên bản hòa giải ngày 15/04/1997 ông Nguyễn Văn Nhuận thống nhất đề cho ông Khởi đứng tên còn không bàn cãi nữa và cũng không yêu cầu ông Khởi phải sửa chữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay khiếu nại gì đến Cơ quan có thẩm quyền và đến thời điểm hiện tại đất này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Minh Khởi.

[6] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hữu bắt đầu sinh sống cùng với ông Nguyễn Văn Nhuận và bà Nguyễn Thị Thôi từ năm 1996. Thời điểm này ông Nguyễn Minh Khởi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp là thửa 1033, 1022 có tổng diện tích 6.157 (diện tích đo đạc thực tế theo bản trích đo địa chính là 4.502,1m²). Tờ di chúc nguyên đơn cung cấp ngày 08/01/1997, ông Nhuận có ý muốn để lại 03 bờ ngang sau hè để ông dưỡng già nhưng tại thời điểm này quyền sử dụng đất không còn của ông Nhuận mà quyền sở hữu là của ông Nguyễn Minh Khởi.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc được nhận số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất là 331.308.843 đồng, phần đất bị thu hồi nằm trong diện tích đất mà bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến thời điểm này chưa có văn bản nào thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn không còn giá trị pháp lý nên yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với số tiền bồi thường cây trồng trên đất ông Hữu yêu cầu khi bị thu hồi, ông Khởi cho rằng, ông chỉ nhận tiền phần đất của ông, còn tiền bồi thường cây trồng trên đất ông không có nhận nên ông Hữu liên hệ Cơ quan bồi thường để được hướng dẫn cụ thể số tiền này.

[9] Đối với cây trồng trên phần đất tranh chấp ông Hữu và ông Khởi đều thống nhất do ông Hữu trồng gồm có dừa, chuối theo biên bản định giá tài sản ngày 14/12/2020 là 9.150.349 đồng. Ông Khởi tự nguyện trả lại giá trị cho ông Hữu nên ghi nhận.

[10] Đối với phần nhà của ông Hữu trên đất, ông Khởi không có yêu cầu nên tách ra thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[11] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nhủ có đơn yêu cầu ông Nguyễn Minh Khởi tiếp tục thực hiện hợp đồng hứa bán diện tích khoảng 400m² đất tại thửa 1033 và 1022. Tuy nhiên, ông Khởi và ông Nhủ đã hủy hợp đồng thỏa thuận hứa bán đất, ông Nhủ đã nhận lại tiền và có đơn rút lại yêu cầu này trước khi mở phiên tòa nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về lệ phí xem xét thẩm định, định giá và đo vẽ: 11.537.000 đồng Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đo đạc số tiền 5.537.000 đồng. Bị đơn nộp số tiền 6.000.000 đồng. Ông Khởi tự nguyện chịu 6.000.000 đồng, số tiền còn lại nguyên đơn đã nộp xong.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn là người trên 60 tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội và Điều 2 Luật người cao tuổi. Ông Hữu được nhận lại 11.954.256 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AB/2013/004806 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 167 Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H về việc:

- Được nhận số tiền đền bù từ dự án đê bao chống lũ là 331.308.843 đồng

- Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh K phải làm thủ tục tách phần đất 1.386,7m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000064/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/12/1995.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và bản vẽ: tổng cộng 11.537.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc số tiền 5.537.000 đồng. Bị đơn nộp số tiền 6.000.000 đồng. Ông Khởi tự nguyện chịu 6.000.000 đồng, số tiền còn lại nguyên đơn đã nộp xong.

3. Về án phí: Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hữu được nhận lại 11.954.256 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AB/2013/004806 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Phong Điền;
- Lưu HS (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Thịnh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Long Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Tiến Thịnh